

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ T,  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24 – 12 – 2021

“V/v ly hôn giữa  
chị M và anh Tr”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Hồ Thị Kim P

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn T1
2. Bà Nguyễn Thị Kim C

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T tham gia phiên tòa:**

Ông Lưu Tiên D – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị M (tên gọi khác là N), sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu dân cư số 08, ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh An, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** anh Ngô Văn Tr, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 1, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Ngô Văn C1, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt).

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Hẻm 1, ấp Trung 3, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện tại: Số 624, ấp Phú Hòa, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M (còn gọi N) trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Thông qua mai mối, năm 2012 chị và anh Ngô Văn Tr tự nguyện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống bình thường, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do hai bên không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, nhiều lần anh Tr đánh chị, dù chị cố gắng nhẫn nhịn, khuyên can, nhưng anh Tr không thay đổi. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng ly thân. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh Tr.

+ Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Ngô Thanh Phong, sinh ngày 09/02/2013, từ lúc ly thân đến nay anh Tr nuôi con, chị giao con cho anh Tr tiếp tục nuôi.

+ Về Ca tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 09/11/2021 chị M (N) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn là anh Ngô Văn Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại văn bản ngày 09/11/2021 ông Ngô Văn C1 (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày: ông là cha ruột anh Tr, chị M (N) là vợ anh Tr, ông không biết mâu thuẫn giữa chị M và anh Tr. Khoảng năm 2016 chị M bỏ về quê tại huyện Châu Th, tỉnh An Giang đến nay không trở về, ông nuôi cháu Ngô Thanh Phong, sinh ngày 09/02/2013 là con của chị M và anh Tr, ông đề nghị Tòa án giao cháu Phong cho anh Tr nuôi và ông sẽ giao lại cháu Phong cho anh Tr. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác. Ngày 09/11/2021 ông C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng anh Ngô Văn Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do,

cho thấy anh Tr chưa chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị M (N) và anh Ngô Văn Tr là vợ chồng, vì anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung: giao con chung tên Ngô Thanh Phong, sinh ngày 09/02/2013 cho anh Tr nuôi dưỡng, ông C1 đang giữ, ông C1 phải giao cháu Phong cho anh Tr, anh Tr không có yêu cầu cấp dưỡng cho con nên chị M (N) không phải cấp dưỡng; chị M (N) phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị M (N) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn Tr, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị M (N) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M (N) và anh Tr.

[2] Về nội dung:

[2.1] Năm 2012 chị Nguyễn Thị M (N) và anh Ngô Văn Tr sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, tại văn bản số 1209/CV-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang và xác nhận ngày 07/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An, huyện Châu Th, tỉnh An Giang cho biết qua tra cứu dữ liệu hộ tịch không có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị M (N) và anh Ngô Văn Tr, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị M (N) và anh Ngô Văn Tr là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Ngô Thanh Phong, sinh ngày 09/02/2013, chị M (N) đồng ý giao con cho anh Tr nuôi dưỡng, mặc dù cháu Phong đã trên 7 tuổi có nguyện vọng sống với mẹ, nhưng từ lúc ly thân đến nay cháu Phong sống với ông C1 (là ông nội) có cuộc sống ổn định và ông C1 đồng ý giao cháu Phong lại cho anh Tr. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M (N) giao cháu Phong cho anh Tr Trc tiếp nuôi và ông C1 phải giao lại cháu Phong cho anh Tr; chị M

(N) không Trc tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng anh Tr không yêu cầu chị Tiên cấp dưỡng là tự nguyện của chị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị M (N) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

[2.4] Về Ca tài sản: chị M (N) khai không có nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị M (N) xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị M (N) và anh Tr thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị M (N) phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị M (tên gọi khác là N) và anh Ngô Văn Tr là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Ngô Thanh Phong, sinh ngày 09/02/2013 cho anh Tr Trc tiếp nuôi, ông Ngô Văn C1 đang nuôi dưỡng, ông C1 phải giao lại cháu Phong cho anh Tr. Chị M (N) không phải cấp dưỡng cho con.

Chị M (N) không Trc tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng cho con.

### 3. Về Ca tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị M (N) xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị M (N) và anh Tr thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị M (N) phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 04053 ngày 28/6/2021 của C cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Chị Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- C cục THADS H. Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim P**

